

Bản án số: 05/2023/HS-PT
Ngày 06 - 01 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

T2 phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Danh.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Bích Ngọc;

Ông Nguyễn Vĩnh T2.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Bích Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà:
Bà Bùi Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 142/2022/TLPT-HS ngày 02 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Duy A do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 114/2022/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Duy A, sinh ngày 27 tháng 12 năm 1980 tại thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy Y (đã chết) và bà Dương Thị S; có vợ là Vũ Thị T và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 58/2018/HS- ST ngày 31/08/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Bị cáo đã chấp hành xong thời gian thử thách ngày 31/8/2020, đã nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 25/10/2018; bị cáo bị tạm giam từ ngày 29 tháng 12 năm 2021 cho đến nay, "có mặt".

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Duy A: Ông Hà Huy S và bà Nguyễn Thị L – Luật sư Công ty Luật TNHH TGS thuộc Đoàn luật sư thành

phố Hà Nội.

Ngòai ra còn có bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 10 năm 2021, Nguyễn Duy A nhận được điện thoại của anh Phạm Văn C chào bán gỗ sồi (tên Việt Nam: Tống quán sủi). Lúc này A nảy sinh ý định lừa lấy gỗ của anh C đem bán nên mặc dù không có tiền để mua gỗ, cũng không cần xem hàng mà vẫn đồng ý mua khối lượng $30m^3$, với giá $3.100.000\text{đồng}/1m^3$, tổng trị giá $93.000.000$ đồng. A thỏa thuận với anh C giao hàng tại xã Phú Xuân, huyện Bình Xuyên, khi giao hàng xong sẽ thanh toán tiền, anh C đồng ý. Buổi tối ngày 23/10/2021 anh C và anh Phạm Văn T (là bạn chung vốn buôn gỗ cùng anh C) thuê anh Bùi Văn H ở thôn B, xã C, huyện H, tỉnh Lào Cai dùng xe ô tô biển kiểm soát 24H-006.91 kéo theo rơ móc biển kiểm soát 24R-010.98 bốc hàng lên xe ô tô để vận chuyển gỗ từ Lào Cai về huyện Bình Xuyên giao cho A. Khi chuyển gỗ lên xe, anh C và anh T đã kiểm đếm số gỗ bán cho A là 199 khúc = $29,986m^3$, giá $3.100.000\text{đồng}/1m^3$, được ghi chép vào 01 quyển sổ viết tay. Khoảng 06 giờ ngày 24/10/2021, anh C và anh T về tới khu vực xã Phú Xuân thì điện thoại cho A ra nhận hàng. Do không có xe nên A gọi điện nhờ anh Lưu Văn T1 chở ra đón xe gỗ, rồi chỉ dẫn cho anh Bùi Văn H lái xe về khu vực trước cửa xưởng xẻ gỗ của chị Nguyễn Thị T (chị gái ruột của A). Khi đến nơi anh C, anh T xuống gặp A trao đổi về số lượng hàng, đưa sổ sách ghi chép khối lượng để A kiểm đếm số lượng và yêu cầu A thanh toán tiền mua gỗ thì A nói sau khi xuống hết hàng sẽ trả tiền mặt $50.000.000$ đồng còn lại chuyển khoản, anh C, anh T đồng ý. Lúc này A có kiểm tra qua vài khúc gỗ chứ không kiểm đếm toàn bộ mà đồng ý nhận hàng rồi thuê anh Nguyễn Văn Đ điều khiển xe ô tô cầu biển kiểm soát 29C-975.22 để cầu gỗ từ trên xe xuống. Trong quá trình xuống gỗ, A đã chuyển 75 khúc gỗ = $10m^3$ gỗ vào xưởng xẻ của Nguyễn Văn T (T xẻ), đồng thời liên hệ bán $03m^3$ gỗ cho anh Nguyễn Nghĩa Hương, A ứng trước của anh Hương $3.000.000$ đồng. Khoảng 11 giờ cùng ngày, anh Đ và anh Phú đã cầu toàn bộ số gỗ trên xe xuống, lúc này A bỏ đi đâu không rõ còn anh C, anh T, anh T1 và anh T (T xẻ) đi ăn cơm trưa. Trong lúc đang ăn thì A đến, anh T yêu cầu A thanh toán tiền thì A hẹn đến 14 giờ thanh toán đủ rồi lấy lý do đi lo tiền để đi về trước. Đến 14 giờ không thấy A đến trả tiền gỗ, anh T và anh C gọi điện cho A thì không liên lạc được nên hai anh tiếp tục đợi. Trong khoảng thời gian này A đã gặp Lưu Văn Thảo và đưa anh Thảo đến nhà anh T xẻ xem gỗ và thống nhất bán $10m^3$ gỗ A để ở nhà anh T xẻ cho anh Thảo lấy $15.000.000$ đồng.

Đến 18 giờ 30 phút cùng ngày, anh C, anh T đi ăn cơm cùng anh T xẻ và anh T1 có gọi điện cho A đến thì anh C, anh T tiếp tục yêu cầu A trả tiền gỗ, lúc này A lại hứa đến 20 giờ thanh toán đầy đủ sau đó lấy lý do đi vay tiền rồi ra về. Khoảng 19 giờ A đến gặp anh Nguyễn Huy C giao bán gỗ sồi cho anh C với giá

2.500.000 đồng/1m³ anh C đồng ý mua. A gọi điện cho anh Đ thuê chở 31 khúc gỗ sồi đến bán cho anh C, anh C đưa trước cho A 12.000.000 đồng (3.000.000 đồng tiền mặt và 9.000.000 đồng chuyển khoản cho A qua tài khoản của T2 là bạn của A), còn lại sau khi đo đếm gỗ cụ thể sẽ thanh toán. Ah C và anh T sau khi ăn cơm xong không thấy A đến thanh toán tiền, hai anh đi về nhà A thì không thấy A ở nhà nên hai anh đã ra thuê nhà nghỉ ngủ qua đêm.

Đến 07 giờ ngày 25/10/2021 anh T và anh C điện thoại cho A yêu cầu trả tiền thì A hẹn đến 14 giờ, hai anh không đồng ý nên yêu cầu 10 giờ phải thanh toán nếu không sẽ không bán nữa.

Đến 10 giờ ngày 25/10/2021 anh C, anh T điện thoại cho A thì A tắt máy không liên lạc được. Biết mình đã bị A lừa nên hai anh đã bóc toàn bộ số gỗ còn lại trước cửa xưởng xẻ nhà chị T Thường (còn được 93 khúc = 14,986m³) và đến gặp xin lại số gỗ A đã bán cho anh C là 31 khúc = 5,5m³. Ah C và anh T đến xưởng xẻ của anh T xẻ để lấy lại số gỗ A chuyển đến đây thì anh T xẻ và anh Thảo cho biết A đã bán cho anh Thảo. Sau đó hai anh đem toàn bộ số gỗ thu được đem bán cho anh Nguyễn Văn T, ở Thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc và làm đơn trình báo đến Công an huyện Bình Xuyên.

Nguyễn Duy A sau khi bán 10m³ gỗ cho anh Thảo được 15.000.000 đồng, 5,5m³ gỗ cho anh C được 12.000.000 đồng và 3.000.000 đồng tiền ứng trước để bán gỗ cho anh Hương, A đã trả tiền cầu cho anh Đ 3.200.000 đồng, trả nợ anh T xẻ 2.000.000 đồng và có đưa trước cho anh C 1.000.000 đồng ngay khi đang xuống gỗ. Ngày 25/10/2021 khi biết hành vi lừa đảo của mình bị anh C và anh T phát hiện thì A đã tắt điện thoại và bỏ trốn khỏi địa phương, tiêu sái cá nhân hết toàn bộ số tiền còn lại.

Ngày 29/12/2021 A bị bắt theo Lệnh bắt bị can để tạm giam, tại Cơ quan điều tra A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Vật chứng vụ án thu giữ bao gồm: 10m³ gỗ sồi, số lượng 75 khúc tạm giữ của anh Lưu Văn Thảo; 01 đơn xin khai thác vườn gỗ, 01 bảng kê lâm sản, 01 báo cáo địa danh, diện tích, khối lượng lâm sản dự kiến khai thác; 01 quyển sổ ghi chép khối lượng gỗ do bà S (mẹ A) giao nộp.

Tại kết luận giám định số 579/CNR-VP ngày 05/11/2021 của Viện nghiên cứu công nghiệp rừng thuộc viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam, Kết luận:

Tên Việt Nam: Tổng quán sủi (Tổng quán sủ, Tổng quá sủ, Tổng qua sủ)

Tên khoa học: *Alnus nepalensis* D.Donn

Gỗ Tổng quán sủi chưa được xếp nhóm (không có tên trong “Bảng phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước” Ban hành kèm theo quyết định số 2198-CNR ngày 26/11/1977 của Bộ Lâm nghiệp - nay là Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn và TCVN 12619-2: 2019 Gỗ - Phân loại, phần 2: Theo tính chất vật lý và cơ học);

Tổng quán sủi không có tên trong “Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm” ban hành kèm theo nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ và “Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ” ban hành kèm theo nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ do vậy là loài thông thường.

Tại văn bản số 154, 155/KL-HĐĐGTS cùng ngày 30/12/2021 và số 28/KL- HĐĐG ngày 9/03/2022 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bình Xuyên kết luận: 10m³ gỗ Tổng quá sủ (sỏi), số lượng 75 khúc có giá 30.660.000đồng; 5,5m³ gỗ Tổng quá sủ (sỏi), số lượng 31 khúc có giá 16.863.000đồng; tổng cộng 93 khúc có trị giá là 47.523.000đồng

Cơ quan điều tra ra lệnh thu giữ thư tín, điện tín tại Tập đoàn công nghiệp Viễn thông Quân đội đối với số thuê bao 0963.298.702, 0382.541.896 của Nguyễn Duy A. Kết quả xác định có thông tin cuộc gọi đến, đi giữa thuê bao của Nguyễn Duy A và anh Phạm Văn C, anh Phạm Văn T trùng khớp với lời khai của anh C, anh T.

Về trách nhiệm dân sự:

Ah Phạm Văn C, anh Phạm Văn T yêu cầu A phải hoàn trả lại số tiền 14.000.000 đồng các anh đã bỏ ra để chuộc 10m³ gỗ của anh Thảo; A đã trả 1.000.000 đồng. Quá trình điều tra bà Dương Thị S (mẹ đẻ A) đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 11.500.000 đồng để bồi thường cho anh C, anh T. Bà S không yêu cầu A phải trả lại cho bà số tiền đã bồi thường thay A.

Ah Lưu Văn Thảo yêu cầu A phải trả lại số tiền 1.000.000 đồng là tiền mua gỗ của A, anh Nguyễn Huy C yêu cầu A phải trả lại số tiền ứng trước để mua gỗ là 12.000.000 đồng. Quá trình điều tra bà Dương Thị S và chị Vũ Thị Thắm (là vợ A) đã thay A trả lại cho anh Thảo số tiền 1.000.000 đồng, anh C số tiền 12.000.000 đồng. Sau khi nhận đủ tiền anh Thảo, anh C không có yêu cầu đề nghị gì thêm. Bà S, chị Thắm cũng không yêu cầu A phải trả lại số tiền đã bỏ ra bồi thường giúp A. Ah Nguyễn Nghĩa Hương yêu cầu A phải hoàn trả lại anh số tiền 3.000.000 đồng là tiền A đã mua gỗ của anh. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà S nộp giấy xác nhận đã bồi thường cho anh Hương số tiền 3.000.000 đồng, anh Hương đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu gì khác.

Với hành vi phạm tội nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2022/HSST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

T1 bố bị cáo Nguyễn Duy A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 điều 174; điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy A 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 29/12/2021.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về bồi thường dân sự, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29 tháng 9 năm 2022 bị cáo Nguyễn Duy A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Nguyễn Duy A đó là bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy A; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 114/2022/HSST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 29/12/2021.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Duy A trình bày bản bào chữa: Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo xảy ra sau khi được giao tài sản hợp pháp, bị cáo chỉ chiếm đoạt 10m³ gỗ trị giá 30.660.000 đồng, nhưng trước đó đã trả cho bị hại 1.000.000 đồng, do vậy bị cáo chiếm đoạt 29.660.000 đồng, bị hại đã thu lại được 19,986 m³ gỗ, vì vậy bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo cải tạo không giam giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy A làm trong hạn luật định, hợp lệ được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Tại Cơ quan điều tra bị cáo Nguyễn Duy A đã thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Mặc dù, bản án sơ thẩm nhận định bị cáo chưa thành khẩn nhưng tại phiên tòa phúc thẩm thì bị cáo rất thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải và thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản án sơ thẩm đã kết luận. Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, các kết luận giám định và định giá tài sản. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận do nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản là gỗ của anh Phạm Văn C và Phạm Văn T để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân nên Nguyễn Duy A đã có hành vi lừa dối để anh T và anh C bán gỗ cho A. Khoảng 06 giờ ngày 24/10/2021, tại thị trấn Thanh Lãng, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc sau khi nhận được gỗ của anh T và anh C thì A chỉ trả trước số tiền 1.000.000 đồng. Tổng số gỗ A đã chiếm đoạt được của anh T và anh C là 93 khúc với khối lượng 15,5m³ có trị giá là 47.523.000 đồng. Vì vậy, sau khi trừ số tiền 1.000.000 đồng mà A đã trả trước khi nhận gỗ thì bị cáo chỉ chiếm đoạt của các bị hại số tiền 46.523.000 đồng chứ không phải là 47.523.000 đồng như cấp sơ thẩm đã quy kết.

[3] Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Nguyễn Duy A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Duy A, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Mặc dù bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị kết án nhưng chỉ bị truy tố, xét xử theo khoản 1 Điều 174, bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù là quá nghiêm khắc, không phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả do bị cáo gây ra và tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo được hưởng thêm hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có một tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và một tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đó là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đã bồi thường xong số tiền 1.500.000 đồng còn thiếu cho bị hại theo quyết định của bản án sơ thẩm. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo là không đúng, vì trước đó bị cáo đã từng bị kết án, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Thấy rằng, bị cáo thành khẩn khai báo và đã khắc phục xong hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra nên cần phải giảm nhẹ hình phạt nhằm tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cải tạo và sớm được trở về đoàn tụ với gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Duy A.

[5] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy A; sửa bản án hình sự sơ thẩm số 114/2022/HSST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc về phần hình phạt.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

T1 bố bị cáo Nguyễn Duy A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy A 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 29 tháng 12 năm 2021.

Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận bị cáo Nguyễn Duy A đã bồi thường xong số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) còn thiếu cho bị hại anh Phạm Văn C và anh Phạm Văn T theo quyết định của bản án sơ thẩm số 114/2022/HSST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (Theo biên lai thu tiền số 0002024 ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc).

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Duy A phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- TAND huyện Bình Xuyên;
- Công an huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu hồ sơ; Toà Hình sự; HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Danh